

QUY CHẾ

Chi tiêu nội bộ của Sở Xây dựng tỉnh Ninh Thuận

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1526/QĐ-SXD

ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Ninh Thuận)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này quy định các nguyên tắc, nội dung, định mức chi tiêu trong nội bộ cơ quan Sở Xây dựng tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Mục đích xây dựng quy chế

1. Tạo quyền chủ động trong việc quản lý và chi tiêu kinh phí quản lý hành chính được giao, đồng thời gắn trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị và cán bộ, công chức, người lao động trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

2. Tạo điều kiện cho công chức, người lao động trong đơn vị phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đảm bảo thu nhập chính đáng, quyền lợi hợp pháp cho công chức, người lao động, đảm bảo.

3. Quy chế chi tiêu nội bộ là căn cứ để quản lý, thanh toán các khoản chi tiêu trong đơn vị; thực hiện kiểm soát của Kho bạc Nhà nước; Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính và các cơ quan thanh tra, kiểm toán theo quy định.

4. Sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả.

5. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng trong việc sử dụng kinh phí quản lý hành chính.

6. Tạo sự công bằng trong đơn vị, khuyến khích tăng thu, tiết kiệm chi, tăng thu nhập cho người lao động.

7. Tăng cường sự tham gia, giám sát của công chức, người lao động đối với nội dung, định mức chi tiêu trong nội bộ.

Điều 3. Nguyên tắc xây dựng quy chế

Các định mức chi đảm bảo nguyên tắc:

- Không vượt quá chế độ chi hiện hành do cơ quan có thẩm quyền ban hành.
- Phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và khả năng kinh phí của cơ quan.
- Tạo điều kiện cho công chức cơ quan hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho công chức, người lao động.

- Các nội dung chi phải đảm bảo có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo chế độ tài chính hiện hành.
- Thực hiện dân chủ, công khai trong toàn thể công chức, người lao động và được Công đoàn cơ sở tham gia, thống nhất bằng văn bản.

Điều 4. Những căn cứ để xây dựng quy chế

- Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý đối với các cơ quan nhà nước.
- Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ “Sửa đổi một số điều của Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ”;
- Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/05/2014 của Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;
- Các Nghị định, Thông tư hướng dẫn của Bộ, Ngành về quy định các chế độ, chính sách áp dụng trong lĩnh vực kế toán và các Quyết định, Công văn hướng dẫn của UBND tỉnh, Sở Tài chính Ninh Thuận về cụ thể hóa các quy định trên tại địa phương.
- Căn cứ vào chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tài chính hiện hành của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.
- Hình thức đặc thù và thực tế thực hiện chi tiêu qua các năm trước.
- Căn cứ kế hoạch các nhiệm vụ được giao trong năm, dự toán chi ngân sách được giao thực hiện chế độ tự chủ.
- Căn cứ các khoản thu từ chi phí thẩm định nhiệm vụ, đồ án quy hoạch; nguồn thu chi phí sát hạch phục vụ cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng và các khoản thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật sau khi trừ chi phí trực tiếp phục vụ công tác thẩm định, công tác tổ chức thi sát hạch và các chi phí trực tiếp khác
- Nguồn thu chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu các công trình QL 27B và công trình đường tỉnh.

Chương II

**QUY ĐỊNH VỀ SỬ DỤNG XE Ô TÔ,
ĐIỆN THOẠI, INTERNET, ĐIỆN, NƯỚC SINH HOẠT**

Điều 5. Về sử dụng xe ô tô phục vụ công tác

1. Xe ô tô cơ quan chỉ sử dụng phục vụ cho Lãnh đạo Sở đi công tác. Các bộ phận của Sở gồm Văn phòng, các phòng chuyên môn thuộc Sở có nhu cầu đi công tác từ 03 người trở lên hoặc phục vụ công tác cho các Hội đồng do Sở Xây dựng thành lập để giải quyết các nhiệm vụ thuộc chức năng chuyên môn của Sở,

làm đề xuất xin xe đi công tác ghi rõ số người đi, đối tượng, thời gian, địa điểm, nội dung công việc trình Giám đốc Sở phê duyệt, chuyển Văn phòng điều xe.

Trường hợp đặc biệt, đột xuất cần thiết ngoài quy định trên, việc điều xe do Giám đốc Sở quyết định.

2. Khoán định mức tiêu hao nhiên liệu xe ô tô và mô tô như sau:

a) Các xe trực tiếp sử dụng và quản lý tại Văn phòng Sở Xây dựng gồm:

- Xe ô tô CAMRY 05 chỗ ngồi biển số 85P-0317 là 18 lít xăng/100 km.
- Xe ô tô FORD 05 chỗ ngồi biển số 85P-003.83 là 12 lít xăng/100 km.
- Xe ô tô Ford bán tải 85E-0133 là 15 lít xăng/100km
- Xe ô tô Ford Everest UW151-2, 07 chỗ ngồi, biển số 85-002.82 là 15 lít dầu/100 km.

- Tiền xăng, dầu xe đi công tác thanh toán theo từng chuyến trên cơ sở cự ly thực tế đi và giá xăng thị trường tại thời điểm đi công tác.

b) Các xe giao cho Thanh tra Sở trực tiếp sử dụng và quản lý để thực hiện nhiệm vụ chuyên ngành:

- *Định mức nhiên liệu xe mô tô:* Xe mô tô 85 B1-00056: 3 lít/100 Km; Xe mô tô 85 B1-00057: 3 lít/100 Km; Xe mô tô 85 B1-00051: 3 lít/100; Xe mô tô 85 B1-00052: 3 lít/100 Km ; Xe mô tô 85 B1-00053: 3 lít/100 Km.

- *Định mức Nhiên liệu đối với xe Ô tô:* Xe ô tô con 85P-0259: 16 lít xăng/100Km; Xe ô tô tải 85E-0134: 15 lít dầu/100Km; Xe ô tô tải 85A-00066: 15lít dầu /100Km; Xe ô tô 85A- 00145: 18 lít xăng/100Km; Xe ô tô tải 85A-00378: 14 lít dầu /100Km.

- Tiền xăng dầu công tác căn cứ theo kế hoạch cụ thể hàng tuần (ngày tháng công tác, địa điểm, xe sử dụng, số Km...), thanh toán sau khi kết thúc công tác tuần, có báo cáo kết quả và các chứng từ, hóa đơn liên quan kèm theo.

3. Xe đi công tác trong tỉnh, lái xe tự rửa xe tại cơ quan; đi công tác ngoài tỉnh, được thanh toán tiền rửa xe 01 lần cho 01 chuyến công tác, trường hợp đột xuất do lãnh đạo sử dụng xe quyết định.

4. Việc thay thế phụ tùng, thay vỏ, thay nhớt xe ..., thực hiện theo quy định bảo trì, bảo dưỡng, thông số kỹ thuật do hãng xe quy định. Văn phòng và Lái xe mở sổ theo dõi để thực hiện đúng tiêu chuẩn bảo dưỡng định kỳ. Lái xe có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra các thiết bị an toàn, bảo quản xe tốt, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết trước khi xe xuất phát để đảm bảo an toàn tuyệt đối cho từng chuyến công tác. Thanh tra Sở có trách nhiệm theo dõi để thực hiện đúng tiêu chuẩn bảo dưỡng định kỳ và đề xuất văn phòng Sở để giải quyết và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở.

5. Lái xe cơ quan, Thanh tra Sở chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật trong việc quản lý, bảo quản xe an toàn, thực hiện đúng quy định về kiểm tra xe định kỳ, tham gia bảo hiểm xe đầy đủ; trong đó đặc biệt

lưu ý việc chấp hành nghiêm chỉnh Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Xe cơ quan hoạt động để phục vụ công tác chung của Sở, lái xe cơ quan có trách nhiệm thực hiện đầy đủ quy định như có lệnh điều xe, giấy đi đường cho từng chuyến công tác trước khi đi và thanh toán chi phí đúng chế độ quy định hiện hành. Việc dùng xe cơ quan ngoài mục đích công tác chung của Sở, lái xe cơ quan chỉ thực hiện nhiệm vụ khi được sự đồng ý của Giám đốc Sở.

Xe được giao cho Thanh tra Sở để hoạt động phục vụ công tác chuyên ngành có trách nhiệm thực hiện đầy đủ quy định như có kế hoạch cụ thể, giấy đi đường (nếu có), kết quả thực hiện kế hoạch.

Những nội dung khác khi có phát sinh, lái xe làm đề xuất gửi Văn phòng kiểm tra, trình Giám đốc Sở quyết định.

Điều 6. Sử dụng điện thoại và Internet

Văn phòng Sở, Thanh tra Sở và các phòng chuyên môn thực hiện.

1. Về điện thoại:

- Điện thoại di động và điện thoại nhà riêng của Lãnh đạo Sở thực hiện khoán theo chế độ hiện hành, cụ thể như sau:

+ Giám đốc Sở: 350.000 đồng/tháng.

+ Phó Giám đốc Sở: 80.000 đồng/tháng.

- Không sử dụng điện thoại cho nhu cầu riêng của cá nhân, trừ trường hợp cá biệt được Giám đốc Sở đồng ý.

- Mỗi phòng được trang bị hai máy điện thoại cố định cho lãnh đạo phòng và tập thể phòng dùng chung.

- Các phòng tự quản lý và sử dụng hết sức tiết kiệm khi sử dụng điện thoại được trang bị; đối với các cuộc gọi nội tỉnh có thời gian từ 10 phút trở lên hoặc có nhu cầu gọi điện thoại đường dài hay điện thoại di động phục vụ công việc chuyên môn của phòng thì người gọi phải báo cáo trước với Lãnh đạo phòng.

- Công chức, người lao động không tuân thủ đúng quy định có trách nhiệm thanh toán tiền cước phí điện thoại gọi sai quy định và bị kiểm điểm theo quy định.

2. Về Internet:

Các phòng được bố trí sử dụng Internet tại tất cả máy vi tính của công chức trong phòng để phục vụ công tác chuyên môn (tra cứu văn bản Quy phạm pháp luật hoặc các nội dung có liên quan đến chuyên môn nghiệp vụ); lãnh đạo các phòng tự quản lý để đảm bảo sử dụng đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm và theo đúng quy định của nhà nước về sử dụng, khai thác thông tin trên mạng Internet.

3. Phân bổ chi phí sử dụng điện thoại và Internet:

- Sử dụng nguồn kinh phí thực hiện chế độ tự chủ do NSNN cấp.

- Sử dụng nguồn thu phí được để lại sử dụng (nếu có) hoặc nguồn kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ do NSNN cấp phục vụ chi đặc thù công tác chuyên môn của ngành Xây dựng, và các khoản thu từ chi phí thẩm định Hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu.

Kế toán cân đối các nguồn kinh phí được NSNN cấp hoặc các nguồn thu nói trên để thực hiện chi hợp lý đúng nhiệm vụ.

Điều 7. Sử dụng điện và nước sinh hoạt

1. Sử dụng điện:

- Máy điều hòa nhiệt độ trang bị cho Lãnh đạo Sở, phòng họp, hội trường và các phòng chuyên môn; sử dụng điều hòa nhiệt độ khi cần thiết, tiết kiệm điện. Định kỳ tiến hành kiểm tra, bảo dưỡng đường thông gió và đường dẫn nhiệt để tránh tổn thất điện năng.

- Tận dụng tối đa ánh sáng và thông gió tự nhiên, tắt bớt đèn chiếu sáng, máy điều hòa, quạt...khi số người làm việc trong phòng giảm. Trong phạm vi dự toán ngân sách được giao hàng năm, thực hiện mua sắm bóng đèn tiết kiệm điện để thay thế cho bóng đèn thông thường khi bị hư hỏng. Khi thay thế các thiết bị sử dụng điện, phải trang bị những thiết bị sử dụng điện có dán nhãn tiết kiệm năng lượng.

- Công chức, người lao động cơ quan phải nâng cao ý thức tiết kiệm trong việc sử dụng điện phục vụ công tác; hết giờ làm việc phải kiểm tra cẩn thận, tắt các thiết bị có sử dụng điện.

- Điện thấp sáng bảo vệ cơ quan ban đêm do ca trực bảo vệ đêm quản lý, sử dụng hợp lý với tinh thần tiết kiệm.

- Phân bổ chi phí sử dụng điện như sau:

+ Sử dụng nguồn kinh phí thực hiện chế độ tự chủ do NSNN cấp.

+ Sử dụng nguồn thu phí được để lại sử dụng (nếu có) hoặc nguồn kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ do NSNN cấp phục vụ chi đặc thù công tác chuyên môn của ngành Xây dựng, và các khoản thu từ chi phí thẩm định Hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu.

Kế toán cân đối các nguồn kinh phí được NSNN cấp hoặc các nguồn thu nói trên để thực hiện chi hợp lý đúng nhiệm vụ.

2. Sử dụng nước sinh hoạt:

Sử dụng tiết kiệm nước sinh hoạt; Văn phòng Sở, Thanh tra Sở thường xuyên kiểm tra để kịp thời khắc phục những sự cố về hệ thống nước tránh lãng phí. Công chức, người lao động nâng cao ý thức trách nhiệm sử dụng nước sinh hoạt, tự giác khắc phục hoặc báo kịp thời cho Văn phòng Sở khi phát hiện sự cố gây thất thoát nước.

Chương III

MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ CHI TIÊU NỘI BỘ

Điều 8. Chế độ công tác phí

1. Khoản tiền công tác phí theo tháng:

- Khoản công tác phí cho Ban Giám đốc Sở; Chánh Văn phòng; Chánh Thanh tra, Trưởng, phó các phòng chuyên môn thuộc Sở; phụ trách kế toán cơ quan; công chức nhận và trả kết quả một cửa có thời gian thường xuyên đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng với định mức 300.000 đồng/người/tháng để hỗ trợ tiền gửi xe, xăng xe. Trừ Ban Giám đốc Sở, các đối tượng còn lại phải có bảng kê chi tiết từng ngày công tác lưu động có thời gian, địa điểm, nội dung công tác có xác nhận của Trưởng phòng (riêng Trưởng phòng do Phó Trưởng phòng xác nhận).

- Khoản công tác phí cho công chức còn lại với định mức 200.000 đồng/người/tháng nếu đảm bảo điều kiện đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng và phải có bảng kê chi tiết từng ngày công tác lưu động có xác nhận của Trưởng phòng.

- Không thực hiện khoản công tác phí cho người lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP.

- Giao Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Trưởng các phòng chuyên môn có trách nhiệm phân công, kiểm tra, giám sát và xác nhận việc đi công tác lưu động của công chức thuộc phòng quản lý. Mọi hành vi kê khai khống, kê khai không đúng khi phát hiện sẽ phải bồi hoàn lại số tiền đã nhận, đồng thời người xác nhận và người kê khai sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

- Vào thời điểm cuối mỗi tháng, căn cứ tình hình thực tế nhiệm vụ công tác của từng công chức, các phòng lập danh sách đề nghị mức chi khoán kèm theo bảng kê chi tiết từng ngày công tác lưu động, có xác nhận của trưởng phòng và duyệt chi của Giám đốc Sở, chuyển Văn phòng thanh toán cùng với tiền lương của tháng sau.

- Công chức nếu được cơ quan cử đi thực hiện nhiệm vụ theo các đợt công tác cụ thể thì được thanh toán chế độ công tác phí theo quy định tại khoản 3 Điều 8 của Quy chế này; đồng thời vẫn được hưởng khoản tiền công tác phí khoán theo tháng nếu đủ điều kiện đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng.

2. Khoản kinh phí sử dụng xe ô tô:

Khoản kinh phí sử dụng xe ô tô đi công tác trong và ngoài tỉnh cho các chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc Sở trong trường hợp các chức danh này có văn bản tự nguyện đăng ký nhận khoán.

Hình thức và mức khoán đối với các chức danh trên khi đi công tác trong tỉnh và ngoài tỉnh được áp dụng như sau:

2.1. Hình thức khoán theo km thực tế:

$$\text{Mức khoán (đồng/chuyến công tác)} = \frac{\text{Tổng số km thực tế của từng chuyến đi công tác (km)}}{\text{Đơn giá khoán (đồng/km)}}$$

Trong đó:

+ Tổng số km thực tế của từng chuyến đi công tác được xác định trên cơ sở khoảng cách thực tế của lộ trình di chuyển ngắn nhất từ cơ quan đến các địa điểm công tác mà xe ô tô kinh doanh vận tải được phép lưu thông các đợt công tác của từng chức danh nhận khoán.

+ Đơn giá khoán (đồng/km): 10.000 đồng/km (đơn giá bình quân từ km 31 trở lên của các hãng taxi loại 4 chỗ ngồi phổ biến trên thị trường tại địa phương).

2.2. Hình thức khoán gọn:

Được áp dụng đối với tất cả các chức danh hoặc áp dụng đối với từng chức danh. Chỉ áp dụng trong trường hợp đi công tác thường xuyên trong tháng (tổng số ngày đi công tác chiếm trên 50% tổng số ngày làm việc trong tháng theo quy định của Bộ luật Lao động) của các chức danh áp dụng khoán.

Mức khoán được xác định như sau:

$$\text{Mức khoán (đồng/tháng)} = \frac{\text{Số km đi công tác bình quân hàng tháng (km)}}{\text{Số km đi công tác bình quân hàng tháng (km)}} \times \text{Đơn giá khoán (đồng/km)}$$

Trong đó:

+ Số km đi công tác bình quân hàng tháng

Trường hợp áp dụng đối với tất cả các chức danh: Được xác định trên cơ sở tổng số km đi công tác thực tế của 12 tháng trong năm trước khi áp dụng khoán của tất cả các chức danh áp dụng khoán chia tổng số chức danh áp dụng khoán chia 12 tháng.

Trường hợp áp dụng đối với từng chức danh: Được xác định trên cơ sở tổng số km đi công tác thực tế của 12 tháng trong năm trước khi áp dụng khoán của chức danh chia 12 tháng.

+ Đơn giá khoán (đồng/km): 10.000 đồng/km (đơn giá bình quân từ km 31 trở lên của các hãng taxi loại 4 chỗ ngồi phổ biến trên thị trường tại địa phương).

Trường hợp chức danh áp dụng hình thức khoán gọn thì không thực hiện khoán công tác phí thường xuyên hàng tháng theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Quy chế này.

3. Chế độ đi công tác:

Chế độ thanh toán công tác phí thực hiện theo chế độ hiện hành của Nhà nước và quy định của tỉnh. Một số quy định cụ thể:

3.1. Các điều kiện để được thanh toán công tác phí:

- Thực hiện đúng nhiệm vụ được giao.
- Được Giám đốc Sở cử đi công tác hoặc được mời tham gia đoàn công tác.
- Có đủ các chứng từ để thanh toán theo quy định (trừ các trường hợp được phép thanh toán theo phương thức khoán).

3.2. Những trường hợp sau đây không được thanh toán công tác phí:

- Thời gian điều trị, điều dưỡng tại cơ sở y tế, nhà điều dưỡng, dưỡng sức.
- Những ngày học ở trường, lớp đào tạo tập trung dài hạn, ngắn hạn đã được hưởng chế độ đối với người đi học.
- Những ngày làm việc riêng trong thời gian đi công tác.
- Những ngày được giao nhiệm vụ thường trú hoặc biệt phái tại một địa phương hoặc cơ quan khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

3.3. Thanh toán tiền tự túc phương tiện đi công tác:

- Đối với công chức không có tiêu chuẩn được bố trí xe ô tô khi đi công tác, nhưng nếu đi công tác cách trụ sở cơ quan từ 10 km trở lên đối với các xã thuộc địa bàn kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và từ 15 km trở lên đối với các xã còn lại mà tự túc bằng phương tiện cá nhân của mình thì được thanh toán khoản tiền tự túc phương tiện bằng 0,1 lít xăng A95/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm đi công tác.

- Căn cứ để thanh toán khoản tiền tự túc phương tiện đi công tác gồm: Giấy đi đường của người đi công tác có xác nhận của cơ quan cử đi công tác, xác nhận của cơ quan nơi đến công tác theo quy định; bản kê của người đi công tác.

3.4. Thanh toán tiền chi phí đi lại:

Công chức được cơ quan cử đi công tác được thanh toán tiền chi phí đi lại bao gồm:

- Chi phí chiều đi và về từ nhà hoặc cơ quan đến sân bay, ga tàu, bến xe; vé máy bay, vé tàu, xe vận tải công cộng đến nơi công tác và theo chiều ngược lại.
- Chi phí đi lại tại địa phương nơi đến công tác: Từ chỗ nghỉ đến chỗ làm việc, từ sân bay, ga tàu, bến xe về nơi nghỉ (lượt đi và lượt về).
- Cước, phí di chuyển bằng phương tiện đường bộ, đường thủy, đường biển cho bản thân và phương tiện của người đi công tác.
- Cước tài liệu, thiết bị, dụng cụ, đạo cụ (nếu có) phục vụ trực tiếp cho chuyến đi công tác mà người đi công tác đã chi trả.
- Cước hành lý của người đi công tác bằng phương tiện máy bay trong trường hợp giá vé không bao gồm cước hành lý mang theo.

Trường hợp cơ quan nơi cử người đi công tác và cơ quan, đơn vị nơi đến công tác đã bố trí phương tiện vận chuyển thì người đi công tác không được thanh toán các khoản chi phí này.

Về phương tiện đi công tác của công chức như sau:

- Đối với lãnh đạo cơ quan: đi công tác bằng phương tiện máy bay (hạng ghế thường), tàu hỏa, xe ô tô hoặc phương tiện công cộng.
- Đối với công chức còn lại: đi công tác bằng phương tiện tàu hỏa, xe ô tô hoặc phương tiện công cộng.

- Đối với những vùng không có phương tiện vận tải của tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải hành khách theo quy định của pháp luật mà người đi công tác phải thuê phương tiện vận tải khác thì được thanh toán tiền thuê phương tiện mà người đi công tác đã thuê trên cơ sở hợp đồng thuê phương tiện hoặc giấy biên nhận với chủ phương tiện (có tính đến giá vận tải phương tiện khác đang thực hiện cùng thời điểm tại vùng đó).

- Trường hợp đặc biệt do Giám đốc Sở quyết định phương tiện đi công tác của công chức được cử đi công tác.

- Mức thanh toán: Theo giá ghi trên vé, hóa đơn, chứng từ mua vé hợp pháp theo quy định của pháp luật, hoặc giấy biên nhận của chủ phương tiện; giá vé không bao gồm các chi phí dịch vụ khác như: Tham quan du lịch, các dịch vụ đặc biệt theo yêu cầu. Riêng trường hợp vé máy bay không bao gồm cước hành lý thì người đi công tác được thanh toán cước hành lý theo đơn giá cước hành lý của chuyến đi và khối lượng hành lý được thanh toán tối đa bằng khối lượng hành lý được mang theo của loại vé thông thường khác (là vé đã bao gồm cước hành lý mang theo).

- Chứng từ thanh toán: Hóa đơn; chứng từ mua vé hợp pháp theo quy định của pháp luật khi đi công tác bằng phương tiện giao thông hoặc giấy biên nhận của chủ phương tiện. Riêng chứng từ thanh toán vé máy bay ngoài cước vé (hoặc vé điện tử) phải kèm theo thẻ lên máy bay theo quy định của pháp luật. Trường hợp mất thẻ lên máy bay phải có xác nhận của cơ quan cử đi công tác (áp dụng khi thanh toán đi lại theo thực tế).

3.5. Phụ cấp lưu trú:

- Đối với đi công tác ngoài tỉnh:

+ Mức phụ cấp lưu trú trả cho người đi công tác ở Thành phố trực thuộc Trung ương: 200.000 đồng/ngày;

+ Mức phụ cấp lưu trú trả cho người đi công tác ở các tỉnh, thành phố còn lại: 150.000 đồng/ngày.

- Đối với đi công tác trong tỉnh: Mức phụ cấp lưu trú trả cho người đi công tác trong tỉnh (kể cả đi và về trong ngày): 80.000 đồng/ngày đối với trường hợp đi công tác tại địa bàn thuộc huyện Bắc Ái; 60.000 đồng/ngày đối với trường hợp đi công tác tại địa bàn thuộc các huyện còn lại. Mức phụ cấp đi công tác trong tỉnh chỉ áp dụng cho trường hợp đi công tác có độ dài quãng đường từ cơ quan đến nơi công tác tối thiểu 10 km đối với các xã thuộc địa bàn kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo các quyết định của Thủ tướng Chính phủ hoặc tối thiểu 15 km đối với các xã còn lại.

- Công chức ở đất liền được cử đi công tác làm nhiệm vụ trên biển, đảo thì được hưởng mức phụ cấp lưu trú: 250.000 đồng/người/ngày thực tế đi biển, đảo (áp dụng cho cả những ngày làm việc trên biển, đảo, những ngày đi, về trên biển, đảo).

- Chứng từ làm căn cứ thanh toán phụ cấp lưu trú gồm: Văn bản hoặc kế hoạch công tác đã được Giám đốc Sở duyệt và cử đi công tác; công văn; giấy

mời; văn bản trung tập tham gia đoàn công tác; giấy đi đường có đóng dấu của Sở Xây dựng và ký xác nhận đóng dấu ngày đến, ngày đi của cơ quan nơi công chức, người lao động đến công tác (hoặc khách sạn, nhà khách nơi lưu trú).

3.6. Thanh toán tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác:

Công chức, người lao động được cơ quan cử đi công tác khi phát sinh việc thuê phòng nghỉ nơi đến công tác thì được thanh toán tiền thuê phòng nghỉ theo một trong hai hình thức: Thanh toán theo hình thức khoán hoặc thanh toán theo hóa đơn thực tế.

Trường hợp người đi công tác được cơ quan, đơn vị nơi đến công tác bố trí phòng nghỉ không phải trả tiền, thì người đi công tác không được thanh toán tiền thuê phòng nghỉ. Trường hợp phát hiện người đi công tác đã được cơ quan, đơn vị nơi đến công tác bố trí phòng nghỉ không phải trả tiền nhưng vẫn đề nghị cơ quan cử đi công tác thanh toán tiền thuê phòng nghỉ, thì người đi công tác phải nộp lại số tiền đã được thanh toán cho cơ quan đồng thời phải bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về công chức và người lao động.

Trường hợp người đi công tác do phải hoàn thành công việc đến cuối ngày, hoặc do chỉ đăng ký được phương tiện đi lại (vé máy bay, tàu hỏa, ô tô) từ 18h đến 24h cùng ngày, thì được thanh toán tiền nghỉ của nửa ngày nghỉ thêm (bao gồm cả hình thức thanh toán khoán và thanh toán theo hóa đơn thực tế) tối đa bằng 50% mức thanh toán khoán tiền thuê phòng nghỉ tương ứng của từng đối tượng; không thanh toán khoán tiền khoán thuê phòng nghỉ trong thời gian đi qua đêm trên tàu hỏa, thuyền, tàu thủy, máy bay, ô tô và các phương tiện đi lại khác.

3.6.1. Thanh toán theo hình thức khoán:

- Đi công tác ở quận, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương, mức khoán: 400.000 đồng/ngày/người.

- Đi công tác tại thành phố là đô thị loại I thuộc tỉnh; huyện, thị xã thuộc thành phố trực thuộc trung ương; tại thị xã, thành phố còn lại thuộc tỉnh, mức khoán: 300.000 đồng/ngày/người.

- Đi công tác tại các vùng còn lại, mức khoán: 200.000 đồng/ngày/người.

- Đi công tác tại các vùng trong tỉnh, mức khoán: 120.000 đồng/ngày/người.

3.6.2. Thanh toán theo hóa đơn thực tế:

- Trong trường hợp người đi công tác không nhận thanh toán theo hình thức khoán tại tiết 3.6.1 điểm 3.6 khoản 3 Điều này thì được cơ quan thanh toán theo giá thuê phòng thực tế, nhưng mức thanh toán không quá 900.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn phòng 02 người đối với trường hợp đi công tác tại thành phố trực thuộc Trung ương và thành phố là đô thị loại I thuộc tỉnh; không quá 600.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn phòng 02 người đối với trường hợp đi công tác tại các vùng còn lại; không quá 300.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 02 người/phòng đối với trường hợp đi công tác tại các vùng trong tỉnh (các mức chi thanh toán tiền thuê phòng nghỉ tại

khoản này là mức chi đã bao gồm các khoản thuế, phí (nếu có) theo quy định của pháp luật).

- Trường hợp đi công tác một mình hoặc đoàn công tác có lẻ người hoặc lẻ người khác giới thì được thuê phòng riêng theo mức giá thuê phòng thực tế nhưng tối đa không được vượt mức tiền thuê phòng của những người đi cùng đoàn (theo tiêu chuẩn 02 người/phòng).

- Trường hợp công chức, người lao động được cử đi công tác cùng đoàn với các chức danh lãnh đạo có tiêu chuẩn thuê phòng khách sạn cao hơn tiêu chuẩn của công chức, thì được thanh toán theo mức giá thuê phòng thực tế của loại phòng tiêu chuẩn (phòng Standard) tại khách sạn nơi các chức danh lãnh đạo nghỉ và theo tiêu chuẩn 02 người/phòng).

Chứng từ làm căn cứ thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ gồm: Văn bản hoặc kế hoạch công tác đã được Giám đốc Sở duyệt số lượng ngày cử đi công tác; công văn; giấy mời; văn bản trung tập tham gia đoàn công tác; giấy đi đường có đóng dấu của Sở Xây dựng và ký xác nhận đóng dấu ngày đến, ngày đi của cơ quan nơi công chức, người lao động đến công tác (hoặc của khách sạn, nhà khách nơi lưu trú) và hóa đơn hợp pháp (trong trường hợp thanh toán theo giá thuê phòng thực tế).

3.7. Đi công tác theo đoàn công tác phối hợp liên ngành, liên cơ quan:

3.7.1. Trường hợp cơ quan, đơn vị có nhu cầu trung tập cán bộ, công chức, viên chức thuộc cơ quan, đơn vị khác đi phối hợp công tác liên ngành nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan; trung tập tham gia các đề tài nghiên cứu cơ bản thì cơ quan chủ trì đoàn công tác có trách nhiệm thanh toán toàn bộ chi phí cho đoàn công tác gồm: Tiền chi phí đi lại, phụ cấp lưu trú, tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác theo mức chi quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị chủ trì.

3.7.2. Trường hợp đi công tác theo đoàn phối hợp liên ngành, liên cơ quan do thủ trưởng cơ quan quản lý Nhà nước cấp trên triệu tập trung dụng hoặc phối hợp để cùng thực hiện các phần việc thuộc nhiệm vụ chính trị của mỗi cơ quan, đơn vị thì cơ quan, đơn vị chủ trì đoàn công tác chịu trách nhiệm chi tiền chi phí đi lại cho người đi công tác trong đoàn. Trường hợp các cá nhân thuộc thành phần đoàn công tác không đi tập trung theo đoàn đến nơi công tác thì cơ quan, đơn vị cử người đi công tác thanh toán tiền chi phí đi lại cho người đi công tác.

Ngoài ra, cơ quan, đơn vị cử người đi công tác có trách nhiệm thanh toán tiền phụ cấp lưu trú, tiền thuê phòng nghỉ cho người thuộc cơ quan mình cử đi công tác.

3.8. Tạm ứng, thanh toán tạm ứng tiền đi công tác:

Công chức, người lao động được cơ quan cử đi công tác có nhu cầu tạm ứng tiền đi công tác, lập thủ tục tạm ứng trình Giám đốc Sở duyệt cho tạm ứng. Số tiền tạm ứng tối đa không vượt quá số tiền được thanh toán theo chế độ, gửi kế toán cơ quan trước 03 ngày làm việc (kể từ ngày đi công tác) để làm thủ tục rút tạm ứng tại kho bạc.

Sau khi đi công tác về, chậm nhất trong thời hạn 03 ngày làm việc phải lập bảng kê chứng từ đề nghị thanh toán gửi kế toán cơ quan thanh toán. Trường hợp số tiền tạm ứng vượt quá số tiền thanh toán, công chức, người lao động có trách nhiệm hoàn trả lại toàn bộ số tiền chênh lệch cho thủ quỹ cơ quan ngay sau khi hoàn tất thủ tục thanh toán. Nếu công chức, người lao động không thanh toán thì kế toán cơ quan có trách nhiệm thu hồi tạm ứng bằng cách trừ vào tiền lương của công chức, người lao động vào tháng sau.

Điều 9. Chế độ thanh toán tiền nghỉ phép hàng năm

1. Tiền tàu xe, tiền lương những ngày đi đường ngoài ngày nghỉ hàng năm theo quy định của Bộ Luật Lao động

1.1. Đối tượng: Công chức, nhân viên hợp đồng được Giám đốc Sở đồng ý cấp giấy cho đi nghỉ phép năm để thăm vợ, chồng; con; cha, mẹ (cả bên chồng hoặc bên vợ) bị ốm đau hoặc chết, số tiền thanh toán căn cứ vào nguồn kinh phí hiện có của cơ quan, số tiền tàu xe, tiền lương cho những ngày ngoài ngày nghỉ hàng năm được thực hiện theo sự thỏa thuận của các bên theo quy định tại Điều 67 Nghị định 145/2020/NĐ-CP.

1.2. Chứng từ, thủ tục thanh toán:

- Vé tàu, xe, hoặc hóa đơn mua vé, thẻ lên máy bay (trường hợp sử dụng phương tiện máy bay).
- Bảng kê cự ly đối với những đoạn đường không có phương tiện vận tải.
- Giấy nghỉ phép năm được Giám đốc Sở cấp và xác nhận địa điểm nghỉ phép.
- Đơn và được chính quyền địa phương nơi thân nhân cư trú hoặc cơ sở y tế xác nhận có người thân bị ốm đau đi điều trị ở cơ sở y tế, điều trị dài ngày tại nhà hoặc bị chết.

1.3. Tiền phương tiện đi nghỉ phép hàng năm chỉ được thanh toán mỗi năm một lần. Nghỉ phép của năm nào chỉ được thanh toán trong năm đó, trường hợp vì công việc được Giám đốc Sở cho lùi thời gian nghỉ phép sang năm sau thì cũng được thanh toán tiền nghỉ phép năm nhưng chỉ được thanh toán đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau.

2. Thanh toán tiền lương cho những ngày được nghỉ phép hàng năm theo quy định nhưng chưa nghỉ hoặc chưa nghỉ hết số ngày được nghỉ:

2.1. Căn cứ khoản 3, Điều 113 của Bộ Luật lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019 thì trường hợp do thôi việc, bị mất việc làm mà chưa nghỉ hàng năm hoặc chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hàng năm thì thanh toán tiền lương cho những ngày chưa nghỉ.

2.2. Mức chi: Là tiền lương theo hợp đồng lao động của tháng trước liền kề tháng người lao động thôi việc, bị mất việc làm.

2.3. Chứng từ thanh toán: Giấy đề nghị thanh toán do Trưởng phòng trực tiếp quản lý công chức, nhân viên hợp đồng đề nghị kèm theo các hồ sơ liên quan như: Quyết định thôi việc, hoặc hợp đồng lao động và xác nhận của Giám đốc Sở về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

2.4. Thời gian chi trả được thực hiện chậm nhất 01 tháng kể từ khi công chức, nhân viên hợp đồng nghỉ việc và có đầy đủ hồ sơ, chứng từ theo quy định.

Căn cứ mức chi được phê duyệt, kế toán thực hiện việc thanh toán, chi trả chậm nhất trước ngày 31 tháng 01 năm sau.

Điều 10. Chế độ chi tiêu hội nghị

Thực hiện theo Quyết định số 143/2017/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 11. Chi tiếp khách

1. Việc tiếp khách do Giám đốc Sở quyết định với tinh thần hết sức tiết kiệm, đơn giản, không phô trương hình thức, đảm bảo văn minh, lịch sự trong giao tiếp. Thành phần tham dự là những người trực tiếp liên quan, không sử dụng thuốc lá, các loại rượu, bia ngoại để tiếp khách; mọi khoản chi tiếp khách phải đúng chế độ, tiêu chuẩn, đối tượng; thực hiện công khai, minh bạch. Không sử dụng ngân sách để mua quà tặng đối với các đoàn khách đến làm việc.

Khoản chi tiếp khách chỉ sử dụng từ nguồn kinh phí được giao thực hiện chế độ tự chủ và các nguồn thu hợp pháp khác của cơ quan.

2. Mức chi tiếp khách:

- Khách đến làm việc tại cơ quan, chi nước uống tối đa không quá 30.000 đồng/buổi/người.

- Chi mời cơm: Cơ quan không tổ chức chi chiêu đãi đối với khách trong nước đến làm việc tại cơ quan; trường hợp xét thấy cần thiết thì Giám đốc Sở quyết định việc chi mời cơm khách một lần cho một đợt công tác, mức chi tiếp khách tối đa không quá 300.000 đồng/01 suất (đã bao gồm đồ uống) đối với các đoàn khách là Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các sở, ban, ngành .v.v... tỉnh khác đến làm việc tại đơn vị mình.

Điều 12. Chi văn phòng phẩm, tài liệu, sách báo:

Thực hiện khoán văn phòng phẩm bao gồm: Sổ, giấy viết, bút (chì, bi), ghim, kẹp, giấy bóng kính, túi nhựa, cặp nhựa, băng dính, hồ dán, phong bì, túi bìa cứng, sổ cặp tài liệu, băng keo giấy..., mức khoán như sau:

1. Mức khoán văn phòng phẩm cho cá nhân được thực hiện theo quý. Đối tượng được khoán văn phòng phẩm do Ban Giám đốc Sở quyết định trên cơ sở đề xuất của các phòng, văn phòng phẩm khoán cho cá nhân theo các mức sau:

- Ban Giám đốc Sở: 90.000 đồng/người/quý.

- Công chức : 60.000 đồng/người/quý.

Cá nhân chủ động mua các loại văn phòng phẩm phù hợp với nhu cầu sử dụng cho công việc.

Đối với hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ, khi có nhu cầu sử dụng văn phòng phẩm, làm đề xuất gửi Văn phòng xem xét trình Giám đốc Sở phê duyệt.

Tiền khoán văn phòng phẩm cho cá nhân được thanh toán theo quý (vào tháng cuối quý). Thủ tục thanh toán: Các phòng, Thanh tra Sở dựng lập danh sách khoán văn phòng phẩm trình Giám đốc Sở phê duyệt chuyển kế toán cơ quan để thanh toán.

Đối với công chức được cử đi học tập trung (trong tỉnh, ngoài tỉnh) và đi công tác từ 30 ngày trở lên hoặc nghỉ chế độ bảo hiểm xã hội, nghỉ không hưởng lương thì không thực hiện cấp kinh phí khoán văn phòng phẩm nêu trên trong thời gian đi học, đi công tác, nghỉ chế độ hoặc nghỉ không hưởng lương.

2. Mức khoán văn phòng phẩm dùng chung 01 quý cho các phòng như sau:

- Văn phòng : 500.000 đồng/quý.
- Phòng Quản lý Quy hoạch - Kiến trúc và Nhà ở : 500.000 đồng/quý.
- Phòng Quản lý hoạt động xây dựng và Hạ tầng kỹ thuật: 400.000 đồng/quý.
- Phòng Quản lý Giao thông : 400.000 đồng/quý.
- Phòng Quản lý vận tải : 400.000 đồng/quý.
- Thanh tra Sở : 1.000.000 đồng/quý

Văn phòng phẩm khoán cho các phòng nêu trên bao gồm tất cả các loại văn phòng phẩm phục vụ chung cho công tác của phòng, các phòng chủ động tự mua theo chủng loại phù hợp với nhu cầu công việc và lập thủ tục hóa đơn chứng từ thanh toán theo chế độ quy định.

3. Giấy in, giấy photocopy, mực in, mực photocopy và nhu cầu văn phòng phẩm khác phục vụ chung công tác của cơ quan, các phòng làm đề xuất gửi Văn phòng tổng hợp trình Giám đốc Sở phê duyệt mua sử dụng trên tinh thần tiết kiệm, thiết thực, hiệu quả, không lãng phí.

4. Tài liệu, sách, báo:

- Tài liệu, sách phục vụ công tác chung của cơ quan do Văn phòng mua và quản lý; các phòng khi có nhu cầu khai thác tài liệu đến tại tủ sách cơ quan hoặc người được phân công lưu giữ để khai thác sử dụng; hạn chế tối đa việc mua sắm các loại sách, báo không cần thiết.

- Sách, biểu mẫu, tài liệu nghiệp vụ phục vụ công tác do các phòng nghiệp vụ đề xuất lãnh đạo sở phê duyệt.

- Báo cáo nội bộ tuần, tháng; lịch cơ quan, thông báo và các nội dung công việc khác mang tính chất nội bộ cơ quan thực hiện gửi qua mạng nội bộ (văn phòng điện tử) để giảm chi phí in ấn tài liệu.

- Tạp chí, báo: Lãnh đạo, công chức tự đọc trên mạng Internet. Riêng sách, báo, tài liệu phục vụ cho công tác đảng, đoàn thể do Đảng bộ và các đoàn thể quyết định mua sắm.

Điều 13. Chi làm thêm giờ và trực cơ quan

1. Làm thêm giờ chỉ áp dụng đối với các trường hợp: Khi có yêu cầu công tác chuyên môn phát sinh đột xuất hoặc công việc chuyên môn theo yêu cầu phải xử lý ngay.

- Khi có nhu cầu làm thêm giờ, các phòng, Thanh tra Sở làm giấy đăng ký làm thêm giờ trình Giám đốc sở phê duyệt và chuyển cho Văn phòng sở 01 bản để theo dõi, chấm công làm cơ sở thanh toán. Riêng Thanh tra Sở sau khi được lãnh đạo Sở duyệt giấy đăng ký làm thêm giờ, phải theo dõi chấm công làm cơ sở để thanh toán. Đăng ký làm thêm giờ phải ghi rõ họ tên người làm thêm giờ, ngày và giờ đăng ký làm thêm, nội dung cụ thể từng công việc làm thêm.

- Mức thanh toán làm thêm giờ thực hiện theo chế độ quy định hiện hành của Nhà nước, nếu thời gian làm thêm giờ trên 200 giờ/người/năm thì cơ quan sẽ bố trí nghỉ bù thời gian vượt.

- Khi thanh toán tiền làm thêm giờ phải đảm bảo đầy đủ thủ tục như bản chấm công làm thêm giờ, giấy báo làm thêm giờ .v.v... có xác nhận của lãnh đạo phòng và duyệt chi của Giám đốc Sở.

2. Chi tiền cho công chức, người lao động trực cơ quan và làm thêm giờ đối với công việc không thuộc nghiệp vụ chuyên môn như trực lễ, tết, bảo lữ, sắp xếp hồ sơ tài liệu .v.v... hoặc do những yêu cầu đột xuất khác theo phân công của lãnh đạo Sở, mức khoán như sau:

- Làm việc ban ngày: 15.000 đồng/người/giờ (từ 7h đến 19h).

- Làm việc ban đêm: 20.000 đồng/người/giờ (từ 19h đến 7h sáng hôm sau).

Điều 14. Chi cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

1. Đối với văn bản riêng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân hoặc Quyết định của Ủy ban nhân dân ban hành: Mới hoặc thay thế: 5.000.000 đồng/01 văn bản; sửa đổi, bổ sung bằng 80% định mức chi đối với văn bản được ban hành mới hoặc thay thế.

2. Đối với đồng thời Nghị quyết của Hội đồng nhân dân và Quyết định của Ủy ban nhân dân ban hành: Mới hoặc thay thế: 3.500.000 đồng/01 văn bản; sửa đổi, bổ sung bằng 80% định mức chi đối với văn bản được ban hành mới hoặc thay thế.

3. Chứng từ thanh toán gồm:

- Quyết định hoặc văn bản phê duyệt chương trình, kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của cấp có thẩm quyền.

- Tờ trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Văn bản quy phạm pháp luật được cấp có thẩm quyền ban hành.

Điều 15. Tiền công hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ và các khoản chi hỗ trợ khác

1. Tiền công hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ:

1.1. Chi trả tiền công và nộp 17% Bảo hiểm xã hội, 03% Bảo hiểm y tế, 01% Bảo hiểm thất nghiệp, 0,5% Bảo hiểm tai nạn lao động - Bệnh nghề nghiệp, 02% Kinh phí công đoàn cho 02 hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ đối với 03 chức danh: Nhân viên lái xe và Nhân viên phục vụ (làm việc trong giờ hành chính). Cụ thể như sau:

- Tiền công của Nhân viên lái xe: 7.000.000 đồng/người/tháng.
- Tiền công của Nhân viên lái xe: 4.500.000 đồng/người/tháng.
- Tiền công của Nhân viên phục vụ: 3.860.000 đồng/người/tháng. Khi Chính phủ ban hành Nghị định điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng, tiền công của Nhân viên phục vụ được điều chỉnh bằng với mức lương tối thiểu vùng III kể từ ngày Nghị định có hiệu lực thi hành.

1.2. Chi trả tiền công khoán cho 05 hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ đối với 02 chức danh: 04 Nhân viên bảo vệ và 01 Nhân viên dọn vệ sinh. Trong đó:

- Nhân viên bảo vệ + chăm sóc cây cảnh và vệ sinh khuôn viên khu vực cơ quan: 02 người; mức khoán 3.500.000 đồng/người/tháng.
- Nhân viên bảo vệ: 02 người; mức khoán 3.400.000 đồng/người/tháng.
- Nhân viên dọn vệ sinh: 01 người; mức khoán 3.200.000 đồng/người/tháng.
- Nhân viên dọn vệ sinh (Sở Xây dựng cơ sở 2): 01 người; mức khoán 2.200.000 đồng/người/tháng.

1.3. Kinh phí chi trả tiền công cho 08 hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ được sử dụng từ định mức chi hỗ trợ đối với ba chức danh theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ được quy định tại Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND ngày 12/11/2024 và nguồn kinh phí NSNN giao thực hiện chế độ tự chủ của Sở Xây dựng.

2. Các khoản chi hỗ trợ khác:

2.1. Chi hỗ trợ kiểm soát thủ tục hành chính, mức chi: 20.000 đồng/ngày/người. Số lượng công chức làm nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính là 04 người; chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm soát thủ tục hành chính, mức chi: 700.000 đồng/01 báo cáo (theo quy định tại Quyết định số 22/2014/QĐ-UBND ngày 27/02/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc ban hành quy định mức chi cho hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận).

2.2. Chi rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 25/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận Quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận và Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản pháp luật hiện hành.

2.3. Chi trả nhuận bút đối với tin bài được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng tỉnh Ninh Thuận thực hiện theo Quyết định hiện hành của Giám đốc Sở Xây dựng về việc ban hành chế độ nhuận bút tác phẩm đăng trên Trang thông tin điện tử Sở Xây dựng tỉnh Ninh Thuận.

2.4. Công chức được cấp thắm quyền cử đi dự thi nâng ngạch chuyên viên cao cấp, chuyên viên chính được cơ quan hỗ trợ tiền tàu xe, tiền ăn, tiền ở, lệ phí thi từ nguồn kinh phí tự chủ cho những ngày tập trung ôn thi và thi tại địa điểm tổ chức thi theo chế độ đào tạo hiện hành của tỉnh (áp dụng cho trường hợp dự thi lần 1).

2.5. Công chức được cử đi học các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn ngắn hạn (dưới 01 tháng) trong hoặc ngoài tỉnh, được hỗ trợ kinh phí từ nguồn kinh phí thường xuyên của cơ quan, mức áp dụng hỗ trợ theo chế độ đào tạo hiện hành của tỉnh hoặc theo quy định về chế độ công tác phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của cơ quan tùy theo khả năng cân đối nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của cơ quan.

Điều 16. Sử dụng kinh phí hành chính tiết kiệm được

Kết thúc năm ngân sách, khi đã hoàn thành các nhiệm vụ được giao. Nếu số chi thực tế thấp hơn dự toán kinh phí quản lý hành chính được giao thực hiện chế độ tự chủ thì phần chênh lệch này là kinh phí tiết kiệm được. Tùy theo kết quả kinh phí tiết kiệm được trong năm, Ban Giám đốc Sở sau khi thống nhất với Công đoàn cơ sở và công khai trong toàn thể công chức được sử dụng cho các nội dung sau:

- Nguồn kinh phí tiết kiệm được trước hết ưu tiên chi bổ sung thu nhập tăng thêm cho công chức theo hệ số tăng thêm tối đa không quá 1 (một) lần so với mức tiền lương ngạch, bậc, chức vụ do nhà nước quy định.

- Sau khi chi trả thu nhập tăng thêm, nếu kinh phí tiết kiệm được còn dư thì sử dụng:

- + Chi khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất, khen phục vụ nhiệm vụ chính trị cho tập thể, cá nhân theo kết quả công việc và thành tích đóng góp ngoài chế độ khen thưởng theo quy định hiện hành của Luật Thi đua khen thưởng. Mức khen thưởng cho tập thể, cá nhân do Ban Giám đốc Sở quyết định sau khi thống nhất với Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở và Trưởng các phòng chuyên môn thuộc Sở.

+ Chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể: Hỗ trợ các hoạt động đoàn thể; hỗ trợ các ngày lễ, tết, các ngày kỷ niệm (kỷ niệm ngày Phụ nữ Việt Nam, ngày Quốc tế Phụ nữ ...), trợ cấp khó khăn thường xuyên, đột xuất, chi đồng phục cho công chức và người lao động; trợ cấp hiếu, hỷ, thăm hỏi ốm đau; trợ cấp nghỉ hưu, nghỉ mất sức; hỗ trợ thêm cho công chức tham gia học các lớp sau đại học; hỗ trợ cho công chức và hợp đồng lao động trong biên chế khi thực hiện tinh giản biên chế; chi khám sức khỏe định kỳ, thuốc y tế trong cơ quan; chi xây dựng, sửa chữa các công trình phúc lợi. Mức hỗ trợ, trợ cấp cho từng trường hợp cụ thể sẽ do Ban Giám đốc Sở Xây dựng quyết định sau khi thống nhất với Ban Chấp hành công đoàn cơ sở và trưởng các phòng chuyên môn thuộc Sở.

- Trích lập quỹ dự phòng để ổn định thu nhập cho công chức: Số kinh phí tiết kiệm được cuối năm chưa sử dụng hết được chuyển vào quỹ dự phòng ổn định thu nhập sang năm sau tiếp tục sử dụng để chi thu nhập tăng thêm cho công chức của Sở Xây dựng. Ban Giám đốc Sở Xây dựng quyết định việc sử dụng Quỹ dự phòng ổn định thu nhập sau khi thống nhất với Ban Chấp hành công đoàn cơ sở và trưởng các phòng chuyên môn thuộc Sở.

Điều 17. Chi trả thu nhập tăng thêm cho công chức

1. Quỹ tiền lương trả thu nhập tăng thêm được xác định theo công thức:

$$\text{QTL} = \text{Lmin} \times \text{K1} \times \text{K2} \times \text{L} \times 12 \text{ tháng}$$

Trong đó:

QTL: Là Quỹ tiền lương ngạch bậc, chức vụ của cơ quan được phép trả tăng thêm tối đa trong năm.

Lmin: Là mức lương cơ sở (đồng/tháng) hiện hành do Nhà nước quy định.

K1: Là hệ số điều chỉnh tăng thêm thu nhập (tối đa không quá 1 (một) lần).

K2: Là hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ bình quân của cơ quan.

L: Là số biên chế được giao.

Quỹ tiền lương năm của cơ quan để tính trả thu nhập tăng thêm nêu trên không bao gồm khoản tiền công trả theo hợp đồng vụ việc.

2. Cách tính để chi trả thu nhập tăng thêm:

- Đối tượng được hưởng thu nhập tăng thêm: Công chức thuộc biên chế của Sở.

- Thu nhập tăng thêm được trả theo nguyên tắc: phải gắn với hiệu quả, kết quả công việc của từng người. Người nào, bộ phận nào có thành tích đóng góp để tiết kiệm chi, có hiệu suất công tác cao thì được trả thu nhập tăng thêm cao hơn.

- Phân bổ thu nhập tăng thêm cho công chức theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng công chức. Cụ thể như sau:

+ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (A): Hệ số 1,2.

+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ (B): Hệ số 1,1.

+ Hoàn thành nhiệm vụ (C): Hệ số 0,8.

+ Không hoàn thành nhiệm vụ (D): Không được hưởng thu nhập tăng thêm.

- Công chức làm việc từ 01 tháng trở lên; đi học tập trung dài hạn (trong tỉnh, ngoài tỉnh) từ 01 tháng trở lên; nghỉ việc riêng; nghỉ thai sản theo chế độ; nghỉ chữa bệnh đúng chế độ bảo hiểm xã hội được hưởng thu nhập tăng thêm theo tỷ lệ số tháng làm việc thực tế tại cơ quan (số tháng làm việc/12 tháng).

- Công chức làm việc dưới 01 tháng không hưởng khoản thu nhập tăng thêm; người vi phạm bị xử lý kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên thì không hưởng khoản thu nhập tăng thêm của năm bị xử lý kỷ luật.

3. Tạm chi trước khoản thu nhập tăng thêm:

- Căn cứ tình hình thực hiện kinh phí của quý trước, nếu xét thấy cơ quan có khả năng tiết kiệm được kinh phí, Ban Giám đốc Sở thống nhất với Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở tạm chi trước thu nhập tăng thêm cho công chức vào ngày 05 đến ngày 10 của tháng đầu quý sau.

- Mức tạm chi hàng quý tối đa không quá 60% quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ do nhà nước quy định trong một quý của cơ quan.

- Kết thúc năm công tác, khi xác định chính xác số kinh phí tiết kiệm được sẽ xem xét quyết định hệ số thu nhập tăng thêm cho công chức bảo đảm không vượt quá số kinh phí thực tế tiết kiệm được trong năm.

- Trường hợp đã chi quá số tiết kiệm được, sẽ phải giảm trừ vào số tiết kiệm được của năm sau. Nếu chi chưa hết được chuyển sang năm sau tiếp tục chi.

Điều 18. Về chứng từ thanh toán

Thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ, khi thanh toán phải đảm bảo có đầy đủ chứng từ, hóa đơn hợp pháp, hợp lệ theo quy định (trừ các khoản thanh toán khoán công tác phí theo tháng; khoán tiền thuê phòng nghỉ; khoán cước sử dụng điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động hàng tháng của Ban Giám đốc Sở, khoán chi văn phòng phẩm cho cá nhân, .v.v...).

Tất cả chứng từ đề nghị thanh toán đều nộp tại kế toán cơ quan, kế toán có trách nhiệm kiểm tra và trình Giám đốc Sở phê duyệt; thời gian thanh toán chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ khi chứng từ hoàn chỉnh.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Những nội dung không quy định trong Quy chế này thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Những trường hợp đặc biệt khác do Ban Giám đốc Sở quyết định.

Điều 20. Quy chế này đã được Ban Giám đốc Sở, Công đoàn cơ sở và toàn thể công chức, người lao động cơ quan thông qua và có hiệu lực kể từ năm ngân sách 2025.

Điều 21. Quá trình thực hiện, Quy chế này sẽ được bổ sung, sửa đổi hàng năm tại Hội nghị Cán bộ, công chức cơ quan hoặc khi có chế độ quy định mới./.